

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LÂM HÀ
TỈNH LÂM ĐỒNG**

Bản án số: 116/2022/HNGĐ - ST

Ngày: 29-9-2022

V/v ly hôn

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÂM HÀ, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Như Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Bà Ngô Thị Luân

+ Ông Nguyễn Xuân Trường

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Khắc Duy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Ông Mai Trường Trinh - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 152/2022/TLST-HNGĐ ngày 21/4/2022 về việc: “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 119/2022/QĐXX - ST ngày 12 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Ngô Thị M sinh năm: 1986

Địa chỉ: Thôn T, xã L, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

Bị đơn: Anh Nguyễn Hữu D sinh năm: 1983

Địa chỉ: Thôn T, xã L, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

(Các đương sự có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nguyên đơn chị Ngô Thị M trình bày: Chị M và anh D xây dựng gia đình với nhau năm 2006 trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện L, tỉnh Lâm Đồng. Cuộc sống chung của vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh D không chăm lo phát triển kinh tế gia đình và còn hay đi đánh bạc làm ảnh hưởng đến kinh tế. Đã nhiều lần chị

khuyên anh D thay đổi để vợ chồng cùng nhau lo cho các con nhưng không được. Do không thể tiếp tục chung sống nên vợ chồng đã ly thân từ tháng 10/2020 cho đến nay. Trong thời gian ly thân vợ chồng cũng không thể hàn gắn được tình cảm, nay chị M xác định không còn tình cảm với anh D nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh D. Về con chung chị M xác định vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Thị Thúy N, sinh ngày 06/4/2007 và Nguyễn Duy K, sinh ngày 01/9/2008. Khi ly hôn chị M yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con, không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung chị M xác định vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung chị M xác định vợ chồng có nợ Ngân hàng A số tiền 80.000.000đồng nhưng đến nay chị đã trả hết cả gốc và lãi cho Ngân hàng nên hiện giữa vợ chồng không có nợ chung.

Bị đơn anh Nguyễn Hữu D trình bày: Anh và chị M xây dựng gia đình với nhau vào năm 2006 trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện L. Cuộc sống chung hòa thuận hạnh phúc đến đầu năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do có một thời gian anh ham chơi nên vợ chồng hay cãi nhau. Gia đình hai bên đã hòa giải nhưng chị M không đồng ý và làm đơn ly hôn. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 10/2020 cho đến nay. Trong thời gian ly thân anh cũng đã gọi chị M về nhưng chị M không về, nay chị M yêu cầu ly hôn thì anh D không đồng ý. Về con chung: Anh D xác định vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Thị Thúy N, sinh ngày 06/4/2007 và Nguyễn Duy K, sinh ngày 01/9/2008. Nếu ly hôn anh D yêu cầu được nuôi cả hai con, không yêu cầu chị M phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung anh D xác định vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung anh D xác định ngoài việc nợ Ngân hàng A số tiền 80.000.000đồng thì còn có một số khoản nợ khác, nếu chị M không rút đơn ly hôn thì anh sẽ trình bày sau.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh D vắng mặt nên không hòa giải được Tòa án đã tổng đạt hợp lệ kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ cho anh D nhưng anh D không có ý kiến gì. Tòa án đã tiến hành đưa vụ án ra xét xử vào ngày 20/7/2022, tuy nhiên ngày 15/7/2022 anh D có đơn xin hoãn phiên tòa và trình bày ngoài việc nợ Ngân hàng A số tiền 80.000.000đồng thì vợ chồng còn nợ ông Đoàn Văn V 240.000.000đồng, nợ bà Bùi Thị T số tiền 100.000.000đồng. Vì vậy, Hội đồng xét xử đã quyết định hoãn phiên tòa để bổ sung tài liệu, chứng cứ mà nếu không thực hiện thì không thể giải quyết được vụ án và không thể thực hiện được ngay tại phiên tòa. Sau đó Tòa án đã tiến hành làm việc với các đương sự thì xác định được số nợ ông Đoàn Văn V đã được giải quyết vào năm 2020. Ngày 24/8/2022 bà Bùi Thị T, ông Nguyễn Đỗ T1 có đơn yêu cầu độc lập, Tòa án đã tổng đạt thông báo nộp tiền tạm ứng án phí cho bà T, ông T1 nhưng bà T ông T1 không nộp. Sau đó

Tòa án tiếp tục tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Vì vậy, Tòa án triển khai đưa vụ án ra xét xử theo quy định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng cũng như phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án theo hướng đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn xin ly hôn của chị M, xử cho chị M được ly hôn với anh D. Về con chung đề nghị giao con là Nguyễn Thị Thúy N, sinh ngày 06/4/2007 cho chị M có trách nhiệm nuôi dưỡng, giáo dục theo nguyện vọng của con; Giao con là Nguyễn Duy K, sinh ngày 01/9/2008 cho anh D có trách nhiệm nuôi dưỡng, giáo dục, không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung các đương sự xác định tự thỏa thuận nên đề nghị không xem xét. Về nợ chung: Đối với số tiền 80.000.000đồng nợ của Ngân hàng A chị M đã trả cả gốc và lãi vào ngày 08/6/2022. Đối với khoản 240.000.000đồng nợ của anh Đoàn Văn V thì đã được Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà giải quyết vào năm 2020. Đối với khoản 100.000.000đồng nợ của ông Nguyễn Đỗ T1, bà Bùi Thị T thì Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo nộp tiền tạm ứng án phí nhưng ông T1 bà T không xuất trình biên lai nộp tạm ứng án phí nên không xem xét. Vì vậy, đề nghị không xem xét giải quyết về nợ chung. Về án phí: Đề nghị buộc chị M phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận của đương sự cũng như ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị M và anh D xây dựng gia đình với nhau năm 2006 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện L vào ngày 07/4/2006. Quá trình chung sống không hòa thuận hạnh phúc nên chị M làm đơn ly hôn. Tại phiên tòa, chị M xác định không còn tình cảm với anh D nên chị giữ nguyên yêu cầu được ly hôn. Còn anh D xác định không đồng ý ly hôn vì anh vẫn còn tình cảm với chị M. Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị M và anh D phát sinh là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong việc phát triển kinh tế gia đình, anh D hay đi chơi bài nên vợ chồng hay cãi nhau, trong những lúc nóng giận đã có những lời nói xúc phạm đến lòng tự trọng của nhau dẫn đến không khí trong gia đình luôn căng thẳng. Do không tìm được biện pháp cải thiện tình cảm nên vợ chồng đã ly thân từ tháng 5/2009, chị M cùng các con về Bắc sống nhưng sau đó do không muốn gia đình tan vỡ nên tháng 9/2014 thì chị M lại quay về chung sống với anh D. Vợ chồng tiếp tục chung sống đến năm 2020 thì lại phát sinh mâu thuẫn nên các đương sự lại sống ly thân từ tháng 10/2020 cho đến nay. Theo anh D thừa nhận và theo kết quả xác minh thì trước đây anh D có đi đánh bài nên

vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Tại phiên tòa anh D xác định còn tình cảm với chị M nên anh không đồng ý ký hôn. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án thì anh D không có hành động gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng mà ngược lại lúc thì anh D yêu cầu giải quyết xong nợ chung thì mới đồng ý ly hôn, lúc thì anh D lại xác định chị M giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì anh sẽ đồng ý ly hôn. Hơn nữa, thời gian các đương sự ly thân đã lâu nên nếu cứ kéo dài tình trạng hôn nhân như hiện nay cũng không mang lại hạnh phúc cho các đương sự do mâu thuẫn vợ chồng đã kéo dài không còn khả năng để cải thiện, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 53, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận đơn khởi kiện của chị M, xử cho chị M và anh D được ly hôn là hoàn toàn phù hợp.

[2] Về con chung: Chị M và anh D có 02 con chung là Nguyễn Thị Thúy N, sinh ngày 06/4/2007 và Nguyễn Duy K, sinh ngày 01/9/2008, khi ly hôn các đương sự cùng có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cả hai con. Đây là nguyện vọng chính đáng của các đương sự nhưng việc xem xét giao con cho bố hoặc mẹ có trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cần phải đảm bảo sự phát triển toàn diện của trẻ cũng như điều kiện chăm sóc nuôi dưỡng của các bên đương sự. Xét về điều kiện nuôi con thì hiện nay cả hai đương sự cùng có đủ điều kiện nuôi con, chị M làm giáo viên, anh D có đất trồng dâu nuôi tằm nên các đương sự đều có thu nhập ổn định. Tuy nhiên, căn cứ vào mức thu nhập do các đương sự trình bày thì nếu giao cả hai con cho một bên đương sự nuôi dưỡng sẽ không đảm bảo điều kiện tốt nhất cho các con. Vì vậy, cần giao con là Nguyễn Thị Thúy N, sinh ngày 06/4/2007 cho chị M có trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục theo nguyện vọng của con; giao con là Nguyễn Duy K, sinh ngày 01/9/2008 cho anh D có trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Về việc cấp dưỡng nuôi con do các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

[3] Về tài sản chung: Các đương sự xác định vợ chồng tự thỏa thuận nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về nợ chung: Chị M xác định có nợ Ngân hàng A số tiền 80.000.000đồng nhưng chị đã trả số tiền này cho Ngân hàng nên hiện nay vợ chồng không có nợ chung. Anh D xác định ngoài việc nợ Ngân hàng 80.000.000đồng như chị M trình bày thì vợ chồng còn nợ anh Đoàn Văn V 240.000.000đồng, nợ bà Nguyễn Thị T số tiền 100.000.000đồng. Xét thấy, đối với số tiền 80.000.000đồng nợ của Ngân hàng A thì ngày 21/6/2022 Tòa án đã nhận được văn bản số 196/NHNo.LP-KHKD ngày 20/6/2022 của Ngân hàng với nội dung ngày 08/6/2022 chị M đã trả cho Ngân hàng cả gốc và lãi nên Ngân hàng không có ý kiến yêu cầu gì nên không xem xét. Đối với số nợ 240.000.000đồng đã được Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà giải quyết tại Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 11/2020/QĐST-DS ngày 14/5/2020 nên không xem xét. Đối với số nợ 100.000.000đồng của ông Nguyễn Đỗ T1, bà Bùi Thị T thì Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo nộp tạm

ứng án phí cho ông T1, bà T nhưng quá thời hạn Tòa án vẫn không nhận được Biên lai thu tạm ứng án phí của ông T1, bà T. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết về nợ chung trong vụ án này, nếu sau này giữa các đương sự có phát sinh tranh chấp thì sẽ được giải quyết bằng vụ án khác khi ông T1, bà T có đơn yêu cầu khởi kiện.

[5] Về án phí: Chị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 53, khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 147; Điều 203 và Điều 266 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 6 Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Ngô Thị M, xử cho chị Ngô Thị M và anh Nguyễn Hữu D được ly hôn.

2/ Về con chung: Giao con là Nguyễn Thị Thúy N, sinh ngày 06/4/2007 cho chị Ngô Thị M có trách nhiệm trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục theo nguyện vọng của con; Giao con là Nguyễn Duy K, sinh ngày 01/9/2008 cho anh Nguyễn Hữu D có trách nhiệm trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

3/ Về án phí: Chị Ngô Thị M phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị M đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0003137 ngày 21/4/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lâm Hà, chị M đã nộp đủ án phí.

4/ Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án (29/9/2022) để yêu cầu Tòa án Thanh dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b

và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Lâm Hà;
- THA dân sự huyện Lâm Hà;
- Ban tư pháp xã Liên Hà;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Như Quỳnh